TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày: 28/6/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Hồng Vân

Ông Phan Xuân Tùng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 86/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P).

Địa chỉ: số B, N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Địa chỉ: lầu B, B L, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Trung N:

1. Ông Huỳnh Cảnh K, sinh năm 1988 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ông Trần Phương K1, sinh năm 1992 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Lầu F, A T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Bà Trần Thị Lệ N1, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số B, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phương K1 trình bày:

Ngày 27/4/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) – Chi nhánh T1 và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 có ký hợp đồng cho vay số 158/2020/HĐTD/PVB-CNTG (Hợp đồng tín dụng) cùng khế ước nhận nợ số LD2011922400 ngày 28/4/2020, có nội dung như sau: Số tiền cho vay 224.700.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng); Mục đích sử dụng vốn vay: mua xe ô tô tải (có mui); Phương thức cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; Phương thức giải ngân được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; Thời hạn cho vay 60 tháng, kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên; Thời hạn giải ngân đầu tiên không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng – ngày 20/4/2020; Lãi suất trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được bên vay trả nợ đúng hạn; Lãi suất chậm trả lãi 10%/năm hoặc một mức lãi suất khác do Ngân hàng quyết định áp dụng đối với khoản lãi đến hạn nhưng không được bên vay trả lãi đúng hạn. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà N1 theo khế ước nhận nợ số LD2011922400 ngày 28/4/2020 số tiền giải ngân là 224.700.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Lệ N1 đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 158/2020/HĐBĐ/PVB-CNTG ngày 27/4/2020 đối với tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) hiệu TERACO, số loại TERA 205/ĐTP-TMP, 03 chỗ, mới 100%, màu xanh; số khung RM0TE17HLHC000538; số máy D4BHG019256; biển số 71C-

092.70; tài sản được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà N1 đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận đã được giao kết trong hợp đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu ông T, bà N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tính đến ngày 28/6/2024 tổng số tiền là 148.065.164đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 111.095.000đ (Một trăm mười một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 21.145.800đ (Hai mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 13.748.868đ (Mười Bệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả 2.075.496đ (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng). Đồng thời Ngân hàng yêu cầu tính lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi ông T, bà N1 thanh toán xong nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Trường hợp ông T, bà N1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) hiệu TERACO, số loại TERA 205/ĐTP-TMP, 03 chỗ, mới 100%, màu xanh; số khung RM0TE17HLHC000538; số máy D4BHG019256; biển số 71C-092.70 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 158/2020/HĐBĐ/PVB-CNTG ngày 27/4/2020, tài sản được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2020 để thu hồi nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Lệ N1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử thể hiện được sự vô tư khách quan khi xét xử. Do đó, vụ án đưa ra xét xử là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 317, Điều 319, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là 148.065.164đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 111.095.000đ (Một trăm mười một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 21.145.800đ (Hai mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 13.748.868đ (Mười Bệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả 2.075.496đ (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) và tính lãi từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi ông T, bà N1 thanh toán xong nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Cảnh K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K, ông T, bà N1.

[2] *Về nội dung*: Hợp đồng cho vay số 158/2020/HĐTD/PVB-CNTG (Hợp đồng tín dụng) cùng khế ước nhận nợ số LD2011922400 ngày 28/4/2020 được xác lập giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối ép buộc nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 158/2020/HĐTD/PVB-CNTG (Hợp đồng tín dụng) cùng khế ước nhận nợ số LD2011922400 ngày 28/4/2020 của Ngân hàng đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 224.700.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bảy

trăm nghìn đồng), ông T, bà N1 đã được ngân hàng giải ngân và đã nhận đủ tiền vay vào ngày 28/4/2020. Sau khi nhận đủ tiền từ Ngân hàng đến ngày 14/10/2022 ông T, bà N1 đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về thanh toán nợ gốc, lãi cho phía Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà N1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 28/6/2024 tổng số tiền là 148.065.164đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 111.095.000đ (Một trăm mười một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 21.145.800đ (Hai mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm đồng), lãi quá hạn 13.748.868đ (Mười Bệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả 2.075.496đ (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và quy định pháp luật tại các Điều 463 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi tiếp tục theo hợp đồng: Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 29/6/2024) đến khi ông T, bà N1 trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 158/2020/HĐTD/PVB-CNTG (Hợp đồng tín dụng) cùng khế ước nhận nợ số LD2011922400 ngày 28/4/2020 là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 158/2020/HĐBĐ/PVB-CNTG ngày 27/4/2020 đối với tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) hiệu TERACO, số loại TERA 205/ĐTP-TMP, 03 chỗ, mới 100%, màu xanh; số khung RM0TE17HLHC000538; số máy D4BHG019256; biển số 71C-092.70; tài sản được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2020 được đôi bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, có đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành. Ngân hàng yêu cầu khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T, bà N1 không trả được nợ hoặc trả không đủ số nợ cho Ngân hàng, thì Ngân

hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) hiệu TERACO, số loại TERA 205/ĐTP-TMP, 03 chỗ, mới 100%, màu xanh; số khung RM0TE17HLHC000538; số máy D4BHG019256; biển số 71C-092.70 theo hợp đồng thế chấp đã ký là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí là 7.403.258đ (Bảy triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ các Điều 317, Điều 319, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 28/6/2024 là 148.065.164đ (Một trăm bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi bốn đồng); Trong đó nợ gốc là 111.095.000đ (Một trăm mười một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), lãi trong hạn là 21.145.800đ (Hai mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm đồng), lãi quá hạn là 13.748.868đ (Mười Bệu, bảy trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng); lãi chậm trả là

2.075.496đ (Hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng).

2. Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 158/2020/HĐTD/PVB-CNTG (Hợp đồng tín dụng) cùng khế ước nhận nợ số LD2011922400 ngày 28/4/2020 đến khi thanh toán xong nợ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: xe ô tô tải (có mui) hiệu TERACO, số loại TERA 205/ĐTP-TMP, 03 chỗ, mới 100%, màu xanh; số khung RM0TE17HLHC000538; số máy D4BHG019256; biển số 71C-092.70 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 158/2020/HĐBĐ/PVB-CNTG ngày 27/4/2020.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Lệ N1 phải nộp số tiền án phí 7.403.258đ (Bảy triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.073.000đ (Bệu, không trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004037 ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**** Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi Cục THADS huyện B;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Long